

Số: 151/2025/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 29 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 15 Điều 38 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 58/2024/QH15, Luật số 71/2025/QH15, Luật số 84/2025/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 95/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Xét Tờ trình số 834/TTr-UBND ngày 17/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 1275/BC-KTNS ngày 26/12/2025 của Ban Kinh tế Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất trên địa bàn tỉnh Sơn La theo quy định tại khoản 15 Điều 38 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 15 Điều 38 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

b) Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định của Luật Đất đai, Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan nhà nước thực hiện việc quản lý, tính, thu tiền thuê đất.

b) Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 4 Luật Đất đai năm 2024.

c) Các đối tượng khác liên quan đến việc tính, thu, nộp, quản lý tiền thuê đất.

Điều 2. Quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 15 Điều 38 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất

1. Đối với dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư

a) Đối với các dự án thuộc Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư: Miễn 30 năm sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản, nhưng tối đa không quá thời hạn thuê đất.

b) Đối với các dự án thuộc Danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư: Miễn toàn bộ thời gian thuê đất sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản.

2. Đối với dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh không thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư tại địa bàn ưu đãi đầu tư: Miễn 22 năm sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản, nhưng tối đa không quá thời hạn thuê đất.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 01 năm 2026

2. Trường hợp người sử dụng đất đang được hưởng ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất cao hơn quy định của Nghị quyết này thì tiếp tục được hưởng mức ưu đãi cho thời gian còn lại; trường hợp mức ưu đãi thấp hơn quy định tại Nghị quyết này thì được hưởng theo quy định tại Nghị quyết này của thời hạn ưu đãi còn lại kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành. Trường hợp đến ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành mà đã hết thời gian được hưởng ưu đãi thì không thực hiện ưu đãi theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XV, Kỳ họp chuyên đề thứ 38 thông qua ngày 29 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận: 

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh; UBND; UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Cục KSTTHC-VPCP;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý VPHC - Bộ Tư pháp;
- Các Sở, ngành, Tổ chức Chính trị XH tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm thông tin – Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH




Lò Minh Hùng